

Biểu mẫu 17

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo
của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam năm học 2018 – 2019

STT	Nội dung	Trình độ đại học		
		Hệ đại học chính quy	Hệ đại học liên thông	Hệ liên kết Thiên Tân
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>Thông tin liên quan đến các điều kiện, hồ sơ, thời gian và địa điểm đăng ký xét tuyển: Theo quy định chung của Bộ Giáo dục & Đào tạo</p> <p>-Quy định tiêu chí và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <p>-Điểm trúng tuyển theo ngành. Trong xét tuyển đợt 1: Thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi Trung học phổ thông quốc gia năm 2018, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng kí. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì Học viện sẽ xét thêm điều kiện phụ.</p> <p>Cụ thể như sau: + Với tổ hợp xét tuyển Toán – Lý – Hóa vào ngành Dược học: ưu tiên 1: môn Hóa; ưu tiên 2: môn Toán.</p>	<p>I. Điều kiện của người dự tuyển liên thông:</p> <p>Thí sinh dự tuyển liên thông trình độ đại học ngành Y học cổ truyền hệ liên thông chính qui năm 2018 phải bảo đảm các điều kiện theo quy định hiện hành về tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và có bằng tốt nghiệp Y sĩ (Y sĩ y học cổ truyền, y sĩ đa khoa, hoặc bằng y sĩ khác)</p> <p>II. Phương thức tuyển sinh:</p> <p>1. Chỉ xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia năm 2018 (Học viện không tổ chức</p>	<p>I. Điều kiện dự xét tuyển:</p> <p>- Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;</p> <p>- Có lý lịch bản thân và gia đình rõ ràng;</p> <p>- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;</p> <p>- Nếu là công dân nước ngoài: phải có bằng tốt nghiệp tương đương Bằng tốt nghiệp phổ thông trung học của Việt Nam</p> <p>II. Quyền lợi của sinh viên</p>

	<p>+ Với tổ hợp xét tuyển Toán –Hóa - Sinh vào ngành Y khoa và Y học cổ truyền: ưu tiên 1: môn Sinh; ưu tiên 2: môn Toán.</p> <p>+ Sau khi xét thêm điều kiện phụ, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn (Nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).</p> <p>- Chính sách ưu tiên: Tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển: thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <p>Đối tượng ưu tiên xét tuyển: (Áp dụng cho các thí sinh không đạt điều kiện tuyển thẳng hay không dùng điều kiện tuyển thẳng). Thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán, Hóa, Sinh, Lý sẽ được cộng điểm thưởng vào tổng điểm xét tuyển của tổ hợp môn thi có môn đó, cụ thể như sau: Đạt giải Nhất: cộng 3,0 điểm; Đạt giải Nhì: cộng 2,0 điểm; Đạt giải Ba: cộng 1,0 điểm; Đạt giải Khuyến khích: cộng 0,5 điểm.</p> <p>Đối tượng xét tuyển thẳng: Đối tượng được xét tuyển thẳng vào Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam theo qui định tại điểm i, khoản 2, điều 7 của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2017, phải có các điều kiện sau: Có điểm trung bình các bài thi tốt nghiệp THPT đạt từ 6 điểm trở lên; Điểm trong Học bạ của các môn thuộc tổ hợp môn thi theo từng ngành đạt từ 7,0 điểm trở lên ở cả 3 năm học.</p> <p>- Mọi thông tin chi tiết về tuyển sinh được đăng trên trang thông tin điện tử: www.vutm.edu.vn</p>	<p>ki thi riêng).</p> <p>2. Điểm trúng tuyển không được thấp hơn quá 03 điểm so với điểm trúng tuyển vào ngành y học cổ truyền trình độ đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2018 của Học viện.</p> <p>3. Nếu số thí sinh có điểm xét tuyển đạt điều kiện quy định tại mục 2 cao hơn số chỉ tiêu thi điểm trúng tuyển xét từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.</p> <p>4. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì Học viện sẽ xét thêm điều kiện phụ. Cụ thể như sau: ưu tiên 1: môn Sinh; ưu tiên 2: môn Toán.</p> <p>III. Chính sách ưu tiên: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo</p>	<p>khí tham gia chương trình Liên kết đào tạo</p> <p>- Được học song ngữ Trung - Việt;</p> <p>- Được tiếp cận với kiến thức chuyên ngành chuyên sâu, được đội ngũ giảng viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm giảng dạy;</p> <p>- Sinh viên học tập đạt kết quả cao, tích cực tham gia công tác tập thể và xã hội sẽ được khen thưởng; Và được đề nghị xét cấp học bổng khi đến học tại Đại học Trung y được Thiên Tân.</p> <p>- Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc sẽ được xét nhận học bổng Thạc sỹ theo quy định;</p> <p>- Theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh và chữa bệnh</p> <p>- Sinh viên tốt nghiệp được tham gia thi thạc sỹ tại Việt Nam theo quy định hiện hành</p>
--	--	---	---

			dục và Đào tạo)	của Bộ GD&ĐT
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>I. Bác sĩ Đa khoa</p> <p>1. Yêu cầu về thái độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh; - Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành; - Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền; - Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp; - Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ. <p>2. Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho y học lâm sàng; - Có kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh - Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học; - Nắm vững pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. <p>3. Về kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chẩn đoán, xử trí, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và các cấp cứu thông thường; - Định hướng chẩn đoán một số bệnh chuyên khoa; - Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường; - Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp, lập kế 	<p>I. Bác sĩ Y học cổ truyền</p> <p>1. Yêu cầu về thái độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh; - Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành; - Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền; - Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp; - Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ. <p>2. Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở về YHCT và YHHĐ làm nền tảng cho y học lâm sàng; - Có kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh của YHCT và YHHĐ; - Có phương pháp luận khoa học của YHCT và YHHĐ trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học; - Nắm vững pháp luật và chính 	

<p>hoạch chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe toàn diện và liên tục cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện một số xét nghiệm đơn giản tại cộng đồng; - Phát hiện sớm các dịch bệnh, tham gia phòng chống dịch và quản lý bệnh nhân ngoại trú toàn diện, liên tục; - Áp dụng y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh; - Thực hiện được công tác tư vấn, giao dục sức khỏe, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân - Tham gia nghiên cứu khoa học; - Thực hiện được kỹ năng làm việc nhóm và năng lực giải quyết vấn đề độc lập; - Thực hiện được năng lực, trình độ giải quyết các vấn đề trong thực tế tại đơn vị công tác được giao; - Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ để đọc, hiểu được tài liệu chuyên môn và thành thạo công nghệ thông tin phục vụ cho quản lý, nghiên cứu khoa học. <p>II. Bác sĩ Y học cổ truyền</p> <p>1. Yêu cầu về thái độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; tận trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh; - Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành; - Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền; - Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp; - Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ. <p>2. Về kiến thức</p>	<p>sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.</p> <p>3. Về kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chẩn đoán, xử trí, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và các cấp cứu thông thường bằng YHCT và YHHĐ; - Định hướng chẩn đoán một số bệnh chuyên khoa; - Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường; - Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của YHCT và YHHĐ; - Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp để chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường; - Phát hiện sớm các dịch bệnh, tham gia phòng chống dịch bằng YHCT và YHHĐ; - Tham gia các chương trình YHCT trong công tác thừa kế, xã hội hóa, chăm sóc sức khỏe ban đầu cũng như giám sát, đánh giá các công tác YHCT tại cơ sở; - Thực hiện được công tác tư vấn, giao dục sức khỏe, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe
--	---

	<ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở về YHCT và YHHĐ làm nền tảng cho y học lâm sàng; - Có kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh của YHCT và YHHĐ; - Có phương pháp luận khoa học của YHCT và YHHĐ trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học; - Nắm vững pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. <p>3. Về kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chẩn đoán, xử trí, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và các cấp cứu thông thường bằng YHCT và YHHĐ; - Định hướng chẩn đoán một số bệnh chuyên khoa; - Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường; - Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của YHCT và YHHĐ; - Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp để chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường; - Phát hiện sớm các dịch bệnh, tham gia phòng chống dịch bằng YHCT và YHHĐ; - Tham gia các chương trình YHCT trong công tác thừa kế, xã hội hóa, chăm sóc sức khỏe ban đầu cũng như giám sát, đánh giá các công tác YHCT tại cơ sở; - Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; - Tham gia nghiên cứu khoa học; - Thực hiện được kỹ năng làm việc nhóm và năng lực giải quyết vấn đề độc lập; 	<p>nhân dân;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia nghiên cứu khoa học; - Thực hiện được kỹ năng làm việc nhóm và năng lực giải quyết vấn đề độc lập; - Thực hiện được năng lực, trình độ giải quyết các vấn đề trong thực tế tại đơn vị công tác được giao; - Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ (ưu tiên Trung văn) để đọc, hiểu được tài liệu chuyên môn và thành thạo công nghệ thông tin phục vụ cho quản lý, nghiên cứu khoa học. 	
--	--	---	--

- Thực hiện được năng lực, trình độ giải quyết các vấn đề trong thực tế tại đơn vị công tác được giao;

- Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ (ưu tiên Trung văn) để đọc, hiểu được tài liệu chuyên môn và thành thạo công nghệ thông tin phục vụ cho quản lý, nghiên cứu khoa học.

III. Dược sĩ

1. Yêu cầu về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh;

- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành;

- coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền;

- Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp;

- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

2. Về kiến thức

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và dược học trong quản lý, sản xuất, cung ứng, bảo quản, hướng dẫn sử dụng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng;

- Có kiến thức của các môn cơ sở ngành thực vật, hóa hữu cơ, hóa phân tích, hóa lý, độc chất, sinh hóa ... tạo điều kiện cho việc học tập các môn chuyên ngành;

- Có kiến thức về các nguyên tắc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, cơ chế tác dụng và quá trình dược động học của thuốc trong cơ thể;

- Hiểu biết được đặc điểm thực vật để nhận biết cây thuốc, thành phần hóa học chính và hàm lượng, bộ phận dùng, công dụng, liều dùng của một số cây thuốc

	<p>và vị thuốc thông thường và phổ biến;</p> <ul style="list-style-type: none">- Hiểu được công thức, cấu tạo, tính chất, cơ chế tác dụng, hấp thu, phân bố, chuyển hóa, thải trừ, phương pháp tổng hợp các thuốc hóa dược;- Có kiến thức về đặc điểm của các dạng bào chế, yêu cầu chất lượng trong việc thiết kế công thức và quy trình bào chế một số dạng thuốc thông thường và một số dạng thuốc mới;- Có phương pháp phân tích, kiểm nghiệm, đảm bảo chất lượng thuốc;- Nắm vững pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; các quy định về luật dược; những vấn đề liên quan đến đảm bảo chất lượng thuốc. <p>3. Về kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none">- Thực hiện được nghiên cứu quy trình sản xuất thuốc và chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất đáp ứng được nhu cầu của thị trường;- Tư vấn được cho thầy thuốc chỉ định thuốc và hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc an toàn, hợp lý;;- Tham gia vào việc đảm bảo chất lượng thuốc, cung ứng thuốc, một số dụng cụ y tế và mỹ phẩm;- Thực hiện được kỹ năng xây dựng và triển khai kế hoạch về dược trong các cơ sở y tế cộng đồng và các hoạt động chuyên môn về dược;- Chiết xuất được các thành phần hóa học trong cây thuốc và biết kiểm nghiệm các thành phần thuốc;- Tham gia nghiên cứu khoa học;- Thực hiện được kỹ năng làm việc nhóm và năng lực giải quyết vấn đề độc lập;- Thực hiện được năng lực, trình độ giải quyết các vấn đề trong thực tế tại đơn vị công tác được giao;	
--	--	--

		- Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ để đọc, hiểu được tài liệu chuyên môn và thành thạo công nghệ thông tin phục vụ cho quản lý, nghiên cứu khoa học.		
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>Người học được cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về việc học tập, nghiên cứu của sinh viên;</p> <p>Được sử dụng Thư viện, tài liệu học tập, phòng thí nghiệm, trang thiết bị dạy – học của Học viện;</p> <p>Được tham gia học tập, nghiên cứu tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh và các bệnh viện thực hành; các cơ sở thực tập cộng đồng, thực tập nghề nghiệp của Học viện;</p> <p>Được tham gia các hoạt động đoàn thể, hoạt động khoa học có liên quan;</p> <p>Tạo mọi điều kiện cho sinh viên học tập, NCKH, tham gia hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao;</p> <p>Thực hiện các chế độ, chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên;</p> <p>Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác và kịp thời.</p>		
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<p>Đào tạo theo học chế tín chỉ, đào tạo theo Module</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bác sĩ Đa khoa 2. Bác sĩ Y học cổ truyền 3. Dược sĩ đại học 	Bác sĩ y học cổ truyền	Cử nhân Y học cổ truyền
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<p>*Ngành Y đa khoa, YHCT</p> <p>Có khả năng theo học các chương trình đào tạo để được cấp văn bằng sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước</p>	Có khả năng theo học các chương trình đào tạo để được cấp văn bằng sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước	Có khả năng theo học các chương trình đào tạo để được cấp văn bằng sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước

		ngoài nước - Hệ thực hành: Bác sĩ nội trú bệnh viện, Bác sĩ chuyên khoa cấp I, Bác sĩ chuyên khoa cấp II - Hệ nghiên cứu: Thạc sĩ y học, Tiến sĩ y học * Ngành Dược Dược sĩ chuyên khoa cấp I, II Thạc sĩ, Tiến sĩ	- Hệ thực hành: Bác sĩ nội trú bệnh viện, Bác sĩ chuyên khoa cấp I, Bác sĩ chuyên khoa cấp II - Hệ nghiên cứu: Thạc sĩ y học, Tiến sĩ y học	nước
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	1. Bác sĩ đa khoa - Công tác tại các cơ sở đào tạo, cơ sở y tế, khám chữa bệnh tại các bệnh viện Trung ương và địa phương, công lập và tư nhân. 2. Bác sĩ YHCT: - Công tác tại các cơ sở đào tạo, cơ sở y tế, khám chữa bệnh tại khoa YHCT của các bệnh viện Trung ương và địa phương, công lập và tư nhân. 3. Dược sĩ đại học: - Đảm nhiệm các vị trí công tác dược tại nhà thuốc, công ty dược, khoa dược, bệnh viện, nhà máy dược phẩm, trường đại học Y Dược, viện nghiên cứu; Sở y tế, các trung tâm y tế và các cơ sở y tế khác có liên quan đến ngành dược.	Bác sĩ YHCT: - Công tác tại các cơ sở đào tạo, cơ sở y tế, khám chữa bệnh tại khoa YHCT của các bệnh viện Trung ương và địa phương, công lập và tư nhân.	- Công tác tại các cơ sở đào tạo, cơ sở y tế, khám chữa bệnh tại khoa YHCT của các bệnh viện Trung ương và địa phương, công lập và tư nhân.



Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2018 *cm*

Đào Xuân Cảnh
Đào Xuân Cảnh

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của Học viện Y Dược học cổ truyền
Việt Nam năm học 2018 – 2019**

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại


STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Sau đại học					Đại học		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	CKII	Nội trú	CKI	Chính quy	Liên thông	Thiên Tân
1	Khối ngành khoa học sức khỏe	12	111	14	02	133	4136	344	289

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
1	Khối ngành khoa học sức khỏe (Bác sĩ Y học cổ truyền)	389	0	9 (2,31%)	324 (83,29%)	97,48

C. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Ký sinh trùng y học	2011	
2	GT thái cực quyền dưỡng sinh.	2010	
3	Đông dược YHCT	2010	
4	BG Tác động cột sống (bộ 2 tập)	2013	
5	BG bệnh học nội khoa YHCT	2015	
6	BG điều trị học nội khoa YHCT	2015	
7	Nội kinh chọn lọc	2015	
8	Cơ sở biện chứng bệnh sinh YHCT	2015	
9	GT ngoại khoa YHCT	2016	
10	GT nội khoa YHCT	2017	
11	GT truyền thông - Giáo dục sức khỏe	2017	
12	Giáo trình hướng dẫn thực tập cộng đồng	2017	
13	GT hướng dẫn chương trình y tế quốc gia	2017	
14	Kinh dịch diễn giảng	2006	
15	Thiết chẩn	2006	
16	Thương hàn luận theo thang chứng	2006	
17	Điều trị một số bệnh ung thư thường gặp	2006	



 BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

D. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

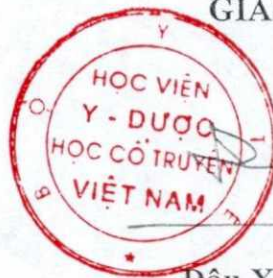
STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội nghị khoa học công nghệ tuổi trẻ	27/12/2017	Học viện YDHCT VN	500
2	Buổi sinh hoạt khoa học sinh lý học cập nhập kiến thức mới về Ứng dụng sinh học phân tử trong nghiên cứu bệnh nội tiết và rối loạn chuyển hóa.	21/12/2017	Học viện YDHCT VN	500

G. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam	12/2017	Đạt	Số 08/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/3/2018	Đạt	14/5/2018	14/5/2023

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2018 *tan*

GIÁM ĐỐC



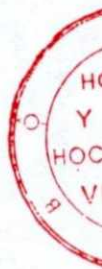
Đậu Xuân Cảnh

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của Học viện Y Dược học cổ truyền
Việt Nam năm học 2018 – 2019

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng Trong đó:	22.739	x		
a	Trụ sở chính	10.569	x		
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại Đồng Quan	12.739	x		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học Trong đó:	13.750	x		
a	Trụ sở chính	13.650	x		
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại Đồng Quan	100	x		



B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm	1		SV, GV	140,25	x		
2	Phòng thực hành	16		SV, GV	1.718,75	x		
3	Hội trường	1		SV, GV	328	x		
4	Phòng học	24		SV, GV	2.073	x		
5	Phòng học đa phương tiện	2		SV, GV	103.68	x		
6	Phòng học tin học	1	Học tin học	SV, GV	84,35	x		
7	Phòng thi test	1	Thi	SV, GV	56,25	x		
8	Thư viện	1	Học tập và NC	GV, CB, học viên, SV	1.200	x		
9	Bệnh viện Tuệ Tĩnh	1	KCB, Thực tập LS			x		
10	Bệnh viện thực hành tại Hà Nội	23	Thực hành LS				x	
11	Bệnh viện YHCT tuyến tỉnh	28	Thực tập nghề nghiệp				x	
12	Trạm y tế xã	80	Thực tập cộng đồng				x	
13	Công ty dược		Thực tập dược				x	

VI
ĐƯỢC
SỞ
T N

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	03
2	Số chỗ ngồi đọc	370
3	Số máy tính của thư viện	42
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	9793 đầu sách, 59 tên tạp chí, 969 tài liệu số hóa

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	5.3
2	Diện tích sàn/sinh viên	3.3

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2018 *TCN*

GIÁM ĐỐC



Đậu Xuân Cảnh

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu
của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam năm học 2018 – 2019**

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số	300	0	19	37	204	40	0	0	262	27	11
1	Giảng viên cơ hữu khối ngành khoa học sức khỏe	222	0	19	33	134	36	0	0	189	22	11
2	Giảng viên cơ hữu môn chung	78	0	0	4	70	4	0	0	73	5	0

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy khối ngành Khoa học sức khỏe

ST T	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
1	Vũ Thị Lan Anh	05/01/1982	Nữ	Phó CN BM	ThS	BM Sinh lý
2	Đỗ Thị Hương	14/06/1981	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Sinh lý
3	Phùng Bá Dương	19/09/1978	Nam	Phó CN BM	ThS	BM Hóa sinh
4	Đỗ Thị Hương Lan	26/01/1979	Nữ	Giảng viên	ĐH	BM Hóa sinh
5	Vương Thị Mai Linh	10/12/1981	Nữ	Phó CN BM	ThS	BM SLB- MD
6	Vũ Thị Thom	07/05/1982	Nữ	Giảng viên	ThS	BM SLB- MD
7	Nguyễn Anh Thư	30/03/1987	Nữ	Giảng viên	ThS	BM SLB- MD
8	Nguyễn Thị Phương	07/02/1964	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Điều dưỡng
9	Mai Thúy Mai	20/06/1985	Nữ	Giảng viên (GV)	ThS	BM Điều dưỡng
10	Phạm Thị Nga	28/09/1988	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Điều dưỡng

11	Vũ Thị Thơ	10/09/1986	Nữ	Giảng viên	ĐH	BM Điều dưỡng
12	Đậu Xuân Cảnh	Giám đốc	Nam	Chuyên viên	PGS	BM Nội YHCT
13	Đoàn Quang Huy	Phó giám đốc	Nam	Giảng viên	PGS	BM Nội YHCT
14	Phạm Việt Hoàng	02/02/1959	Nam	Giảng viên	TS	BM Nội YHCT
15	Vũ Thị Thuận	15/07/1966	Nữ	PCN BM (GV)	CKII	BM Nội YHCT
16	Trần Thị Hồng Ngải	24/09/1972	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Nội YHCT
17	Trần Thị Thu Vân	15/09/1972	Nữ	Giảng viên	PGS	BM Nội YHCT
18	Trần Thị Thu Hương	04/12/1977	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Nội YHCT
19	Nguyễn Tiến Chung	22/12/1981	Nam	Giảng viên	TS	BM Nội YHCT
20	Nguyễn Minh Hà	16/02/1985	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Nội YHCT
21	Trần Anh Tuấn	28/11/1983	Nam	Giảng viên	TS	BM Nội YHCT
22	Lê Thị Lan	18/01/1965	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Nội YHCT
23	Nguyễn Thị Ngọc	02/07/1988	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Nội YHCT
24	Lê Thúy Hạnh	08/06/1982	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Nội YHCT
25	Thị Minh Thu	15/12/1988	Nữ	Giảng viên	ĐH	BM Nội YHCT
26	Hoàng Thị Tuyết	18/04/1987	Nữ	Giảng viên	ĐH	BM Nội YHCT
27	Nguyễn Du	07/11/1965	Nam	Phó CN BM	ThS	BM Nội YHHĐ
28	Trần Thị Kim Thư	12/11/1972	Nữ	Phó CN BM	CKII	BM Nội YHHĐ
29	Quan Thế Dân	13/06/1960	Nam	Giảng viên, TrK	TS	BM Nội YHHĐ
30	Trần Thị Thu Hương	07/10/1970	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Nội YHHĐ
31	Trần Hải Yến	17/03/1987	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Nội YHHĐ
32	Đặng Việt Sinh	08/11/1969	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Nội YHHĐ
33	Đỗ Thị Thúy Anh	30/03/1973	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Nội YHHĐ
34	Trần Thị Minh	25/05/1981	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Nội YHHĐ
35	Nguyễn Thị Hồng Loan	22/12/1973	Nữ	Giảng viên, TrK	ThS	BM Nội YHHĐ
36	Nguyễn Văn Hải	02/08/1985	Nam	Giảng viên	ThS	BM Nội YHHĐ
37	Trần Văn Phú	18/01/1970	Nam	Giảng viên, Phó TP	ThS	BM Hội sức cấp cứu và CĐ
38	Phạm Thái Hưng	03/10/1973	Nam	Phó CN PT BM	TS	BM Ngoại YHHĐ

39	Trần Quốc Lâm	20/05/1977	Nam	Giảng viên	ThS	BM Ngoại YHHD
40	Phạm Văn Thương	09/04/1962	Nam	Phó CN PT BM	CKII	BM CDHA
41	Nguyễn Thị Thùy Ngân	26/03/1987	Nữ	Bác sĩ	ĐH	BM CDHA
42	Phan Thị Hoa	08/12/1973	Nữ	Phó CN BM	ThS	BM Truyền nhiễm - DL
43	Trần Thị Thu Hà	13/01/1968	Nữ	PCN BM	ThS	BM Truyền nhiễm - DL
44	Nguyễn Mạnh Hải	17/08/1961	Nam	Trưởng khoa U bướu	CKII	BM Truyền nhiễm - DL
45	Nguyễn Thị Lan	16/05/1988	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Truyền nhiễm - DL
46	Trần Thị Thu Hiền	14/01/1979	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Truyền nhiễm - DL
47	Lê Thị Phương Thảo	13/12/1988	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Truyền nhiễm - DL
48	Đinh Thị Thúy Hà	19/07/1972	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Truyền nhiễm - DL
49	Trần Thanh Hà	20/10/1989	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Truyền nhiễm - DL
50	Phạm Thị Việt Hà	30/10/1982	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Truyền nhiễm - DL
51	Nguyễn Thị Phượng	09/01/1987	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Truyền nhiễm - DL
52	Nhâm Thế Thy Uyên	08/04/1971	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Truyền nhiễm - DL
53	Lã Thanh Hà	04/01/1967	Nữ	Phó trưởng phụ trách khoa	ThS	BM Truyền nhiễm - DL
54	Nguyễn Thị Hoa	19/05/1986	Nữ	Điều dưỡng trưởng	CKI	BM Truyền nhiễm - DL
55	Nguyễn Thế Thịnh	30/11/1966	Nam	CN BM	PGS	BM Ngoại YHCT
56	Đoàn Minh Thụy	01/03/1971	Nữ	Phó CN, Phó TP	PGS	BM Ngoại YHCT
57	Lữ Đoàn Hoạt Mười	14/04/1983	Nam	Giảng viên	ĐH	BM Ngoại YHCT
58	Đặng Thị Lan Phương	14/03/1989	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Ngoại YHCT
59	Nguyễn Thị Hằng	11/08/1964	Nữ	Phó CN PT BM, Phó Viện trưởng	ThS	BM Phương tễ
60	Đỗ Linh Quyên	22/11/1969	Nữ	PCN	ThS	BM Phương tễ
61	Quách Thị Diễm Hằng	12/10/1975	Nữ	Giảng viên (GV)	ThS	BM Phương tễ
62	Trần Thị Thúy Phương	11/07/1987	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Phương tễ
63	Phạm Quốc Sự	04/05/1972	Nam	Phó CN BM	ThS	BM Phương tễ

64	Nguyễn Thị Trang	16/04/1988	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Phương tế
65	Bùi Phương Mai	15/12/1988	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Phương tế
66	Nguyễn Thùy Dương	19/01/1987	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Phương tế
67	Phạm Quốc Bình	Phó giám đốc	Nam	BM Y lý YHCT	PGS	BM Y lý YHCT
68	Lê Thị Thanh Nhận	25/01/1965	Nữ	PGĐ BVTT, PCN	PGS	BM Y lý YHCT
69	Trương Việt Bình	07/09/1955	Nam	Giảng viên cao cấp	PGS	BM Y lý YHCT
70	Hoàng Châu Loan	20/12/1962	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Y lý YHCT
71	Lưu Minh Trung	22/11/1971	Nam	Giảng viên	ThS	BM Y lý YHCT
72	Nguyễn Trường Nam	01/05/1987	Nam	Giảng viên	ThS	BM Y lý YHCT
73	Nguyễn Thị Huyền	04/04/1987	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Y lý YHCT
74	Nguyễn Thị Thu Trang	18/10/1988	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Y lý YHCT
75	Lê Đức Khang	05/01/1988	Nam	Giảng viên	ĐH	BM Y lý YHCT
76	Nguyễn Phạm Thu Mây	15/12/1988	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Y lý YHCT
77	Lê Thị Việt Hà	24/10/1976	Nữ	Phó CN PT BM	ThS	BM Vi sinh- KST
78	Lê Văn Dũng	16/05/1981	Nam	Phó CN BM	ThS	BM Vi sinh- KST
79	Lê Thị Tuyết	03/01/1962	Nữ	Giảng viên	PGS	BM Vi sinh- KST
80	Đỗ Lan Phương	20/10/1987	Nữ	Giảng viên	ĐH	BM Vi sinh- KST
81	Nguyễn Thị Thu Hằng	31/05/1984	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Vi sinh- KST
82	Nguyễn Thị Hương	17/02/1987	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Vi sinh- KST
83	Nguyễn Thị Giang	20/08/1986	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Vi sinh- KST
84	Chu Văn Đức	17/10/1978	Nam	Phó CN PT BM	TS	BM Giải phẫu bệnh
85	Bùi Văn Thăng	20/08/1958	Nam	Phó CN BM	ThS	BM Giải phẫu Mô học
86	Hoàng Cao Hiếu	24/12/1983	Nam	Giảng viên	ThS	BM Giải phẫu Mô học
87	Quách Thị Yến	06/04/1980	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Giải phẫu Mô học
88	Nguyễn Huyền Trang	13/11/1985	Nữ	Giảng viên	ĐH	BM Giải phẫu Mô học
89	Cù Thị Bích Thủy	19/05/1987	Nữ	Giảng viên	ĐH	BM Giải phẫu Mô học
90	Lưu Minh Châu	17/10/1971	Nữ	CN BM	TS	BM YTCC

91	Nguyễn Văn Bình	20/12/1964	Nam	Phó CN BM	ThS	BM YTCC
92	Đình Văn Tài	01/12/1974	Nam	Giảng viên	ThS	BM YTCC
93	Trần Thị Minh Tâm	25/02/1972	Nữ	Giảng viên	PGS	BM YTCC
94	Bàng Thị Hoài	05/05/1987	Nữ	Giảng viên	ThS	BM YTCC
95	Lương Thị Thu Hà	19/06/1981	Nữ	Giảng viên	ThS	BM YTCC
96	Mai Thị Hương	26/10/1984	Nữ	Giảng viên	ThS	BM YTCC
97	Trương Thị Minh Trang	04/07/1981	Nữ	Chuyên viên	ThS	BM YTCC
98	Nguyễn Thanh Nga	07/12/1984	Nữ	Giảng viên	ThS	BM YTCC
99	Đình Thị Hương	05/12/1980	Nữ	Chuyên viên	ThS	BM YTCC
100	Nguyễn Văn Quân	04/09/1964	Nam	Phó CN PT BM	TS	BM quản lý & KTD
101	Lê Thị Hiền	08/11/1977	Nữ	Phó CN BM	ThS	BM quản lý & KTD
102	Bùi Thị Ngoan	13/04/1983	Nữ	Phó CN BM	ThS	BM Bảo chế CN dược
103	Nguyễn Thị Thu Nga	26/08/1970	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Bảo chế CN dược
104	Trần Thị Thu Hiền	10/10/1983	Nữ	Phó CN BM	ThS	BM Thực vật- DL - ĐD
105	Nguyễn Duy Thuận	02/06/1956	Nam	GV Cao cấp	PGS	BM Thực vật- DL - ĐD
106	Nguyễn Thị Minh Thu	13/4/1975	Nữ	Giảng viên	TS	BM Thực vật- DL - ĐD
107	Nguyễn Thị Hiền	20/09/1988	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Thực vật- DL - ĐD
108	Lê Thị Thu Hà	29/06/1978	Nữ	Dược sĩ	ĐH	BM Thực vật- DL - ĐD
109	Đỗ Thị Hồng Sâm	28/09/1977	Nữ	Phó CN BM	ThS	BM Dược lý- DLS
110	Tô Lê Hồng	05/12/1977	Nữ	Phó CN BM	ThS	BM Dược lý- DLS
111	Tông Thị Mai Vân	19/11/1982	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Dược lý- DLS
112	Bùi Thị Hào	16/08/1986	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Dược lý- DLS
113	Nguyễn Thị Châu Giang	28/03/1978	Nữ	Phó CN PT BM	ThS	BM KNT và độc chất
114	Nguyễn Thị Vân Anh	27/09/1981	Nữ	Phó CN BM	ThS	BM KNT và độc chất
115	Trần Văn Thanh	06/02/1963	Nam	Chủ nhiệm	TS	BM Hóa dược
116	Nguyễn Phương Dung	02/02/1984	Nữ	Phó CN BM	ThS	BM Hóa dược
117	Dương Văn	09/08/1968	Nam	Phó CN BM	ThS	BM Sản phụ khoa

	Quất					
118	Nguyễn Thị Thủy	15/09/1974	Nữ	Phó CN BM	TS	BM Sản phụ khoa
119	Phạm Quỳnh Lâm	28/09/1973	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Sản phụ khoa
120	Phạm Thủy Phương	02/11/1974	Nữ	Phó Tkhoa Lão	CKII	BM Sản phụ khoa
121	La Thị Phương Thảo	02/10/1983	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Sản phụ khoa
122	Vũ Thị Hồng Liên	27/05/1983	Nữ	Giảng viên	ĐH	BM Sản phụ khoa
123	Hoàng Thúy Hồng	23/10/1987	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Sản phụ khoa
124	Nguyễn Thị Thanh Huyền	05/02/1984	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Sản phụ khoa
125	Vũ Thị Tố Trinh	03/05/1985	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Sản phụ khoa
126	Nguyễn Đăng Tuấn	30/01/1960	Nam	Phó CN PT BM	ThS	BM Nhi
127	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	07/06/1982	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Nhi
128	Nguyễn Nhật Minh	09/02/1961	Nam	Giảng viên	CKI	BM Nhi
129	Bùi Thị Hương Thu	19/01/1983	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Nhi
130	Phạm Hà Ly	23/12/1985	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Nhi
131	Nguyễn Thị Hồng Minh	03/11/1987	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Nhi
132	Phạm Thúc Hạnh	02/08/1960	Nam	Trưởng phòng	PGS	BM KCDS-XBBH
133	Lê Thị Kim Dung	20/08/1962	Nữ	Giảng viên	TS	BM KCDS-XBBH
134	Phạm Thanh Tùng	11/05/1968	Nam	Phó T.khoa XBBH	ThS	BM KCDS-XBBH
135	Trần Hồng Nhung	26/10/1989	Nữ	Giảng viên	ĐH	BM KCDS-XBBH
136	Trương Anh Tuấn	01/11/1982	Nam	Giảng viên	ThS	BM KCDS-XBBH
137	Phạm Thị Hậu	20/10/1963	Nữ	Giảng viên (GV)	ThS	BM Châm cứu
138	Trần Đức Hữu	02/01/1981	Nam	Giảng viên	TS	BM Châm cứu
139	Đỗ Thị Thanh Chung	16/10/1981	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Châm cứu
140	Phạm Thị Cẩm Yên	26/09/1974	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Châm cứu
141	Nguyễn Đắc Thái	16/07/1986	Nam	Giảng viên	ThS	BM Châm cứu
142	Nguyễn Hồng Dương	16/02/1987	Nữ	Giảng viên	ĐH	BM Châm cứu

143	Hoàng Thị Bích Liên	01/07/1963	Nữ	Phó CN PT BM	ThS	BM Ngũ quan
144	Nguyễn Võ Hoàng Anh	01/11/1973	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Ngũ quan
145	Cao Thị Vân Anh	14/06/1976	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Ngũ quan
146	Đàm Thị Thu Hằng	16/11/1982	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Ngũ quan
147	Nguyễn Văn Đông	10/04/1964	Nam	Phó Tkhoa	ThS	BM Ngũ quan
148	Nguyễn Thị Phương Thanh	28/05/1981	Nữ	Giảng viên	ĐH	BM Ngũ quan
149	Nguyễn Xuân Hòa	16/07/1973	Nam	Giảng viên	TS	BM Tai Mũi Họng
150	Ngô Văn Trọng	06/11/1981	Nam	Giảng viên	ThS	BM Tai Mũi Họng
151	Nguyễn Thị Thu Trang	19/09/1984	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Mắt
152	Nguyễn Thị Kim Ngân	30/10/1969	Nữ	PCN BM	TS	BM Lão
153	Phạm Chí Thành	22/02/1962	Nam	Giảng viên, TrK	ThS	BM Lão
154	Tống Thị Tam Giang	14/11/1975	Nữ	Giảng viên	TS	BM Lão
155	Nguyễn Thị Hồng Yến	18/06/1969	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Lão
156	Phùng Thùy Trang	08/11/1988	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Lão
157	Bùi Văn Khuyến	05/09/1959	Nam	TP HCQT-VNC	CKI	BM Lão
158	Nguyễn Vinh Huy Chính	06/08/1973	Nam	Giảng viên, TrK	ThS	BM PHCN
159	Dương Thị Thúy Hòa	04/04/1971	Nữ	Giảng viên	CKI	BM PHCN
160	Nguyễn Thị Phương Thúy	28/09/1987	Nữ	Giảng viên	ĐH	BM PHCN
161	Nguyễn Duy Thức	27/10/1978	Nam	Giảng viên	ThS	BM TH dược khoa
162	Đào Thị Thuyết	05/05/1990	Nữ	Giảng viên	ĐH	BM Sinh lý
163	Trần Thị Bích	14/5/1984	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Điều Dưỡng
164	Lê Minh Nguyệt	26/02/1987	Nữ	Giảng viên	ĐH	Bộ môn Điều dưỡng
165	Phan Bình Dương	04/12/1988	Nam	Giảng viên	CKI	Bộ môn Nội YHCT
166	Lê Văn Mạnh	26/7/1986	Nam	Giảng viên	ĐH	Bộ môn Nội YHCT
167	Nguyễn Thị Như Ngọc	25/5/1988	Nữ	Giảng viên	ĐH	Bộ môn Nội YHCT
168	Nguyễn Thị Hậu	15/10/1980	Nữ	Giảng viên	ThS	BM Nội YHHĐ

169	Bùi Thị Vân Anh	16/01/1989	Nữ	Giảng viên	ĐH	BM Nội YHHĐ
170	Lê Thị Hồng Thi	05/01/1990	Nữ	Giảng viên	ĐH	BM Nội YHHĐ
171	Ngô Thị Hà	20/12/1964	Nữ	Giảng viên	CKI	Bộ môn Nội YHCT
172	Nguyễn Thái Sơn	26/8/1972	Nam	Giảng viên	ThS	Bộ môn Ngoại YHCT
173	Bùi Thị Lan	19/2/1991	Nữ	Giảng viên	ĐH	BM Chân đoán hình ảnh
174	Quang Ngọc Khuê	17/5/1987	Nam	Giảng viên	ĐH	Bộ môn Nội YHCT
175	Trần Thị Hồng Phương	09/10/1962	Nữ	Giảng viên	PGS	Bộ môn Nội YHCT
176	Nguyễn Duy Tuấn	09/06/1983	Nữ	Giảng viên	TS	BM Y Lý
177	Vũ Ngọc Hà	27/2/1989	Nữ	Giảng viên	ĐH	BM Giải phẫu bệnh
178	Trần Minh Đức	06/11/1975	Nam	Giảng viên	TS	BM Y Lý
179	Đào Thúy Hằng	15/12/1990	Nữ	Giảng viên	ĐH	BM Giải phẫu Mô học
180	Phan Văn Nam	29/11/1989	Nam	Giảng viên	ĐH	BM Giải phẫu Mô học
181	Nguyễn T. Phương Thảo	25/10/1979	Nữ	Giảng viên	ThS	BM YTCC
182	Đoàn Hữu Xuyên	20/11/1977	Nam	Giảng viên	ThS	BM YTCC
183	Nguyễn Thiện Kha	09/03/1974	Nam	Giảng viên	ThS	Bộ môn Quản lý Kinh tế Dược
184	Lê Ngọc Hà	19/5/1989	Nữ	Giảng viên	ThS	Bộ môn Quản lý Kinh tế Dược
185	Lê Thị Huyền Trang	08/10/1988	Nữ	Giảng viên	ThS	Bộ môn Dược lý-DLS
186	Nguyễn Khánh Tường	11/04/1963	Nam	Giảng viên	ĐH	Bộ môn Dược lý-DLS
187	Đỗ Hoàng Yến	04/12/1987	Nữ	Giảng viên	ĐH	Bộ môn TV-DL-ĐD
188	Đặng Đình Cương	02/01/1987	Nam	Giảng viên	ĐH	Bộ môn Thực hành Dược khoa
189	Nguyễn Thu Trang	26/7/1991	Nữ	Giảng viên	ThS	Bộ môn Thực hành Dược khoa
190	Hoàng Trần Diệu Linh	18/3/1988	Nữ	Giảng viên	ĐH	Bộ môn Sản phụ khoa
191	Nguyễn Thị Hương Lan	25/05/1981	Nữ	Giảng viên	ThS	Bộ môn Nhi
192	Đặng Văn Tĩnh	24/8/1975	Nam	Giảng viên	CKI	Bộ môn KCDS-XBBH
193	Phạm Minh Vương	21/4/1988	Nam	Giảng viên	ThS	Bộ môn KCDS-XBBH
194	Kiều Đức	20/10/1986	Nam	Giảng viên	ĐH	Bộ môn KCDS-

	Xương					XBBH
195	Nguyễn Văn Lực	15/9/1983	Nam	Giảng viên	ThS	Bộ môn KCDS-XBBH
196	Đào Anh Hoàng	17/7/1983	Nam	Giảng viên	ThS	BM KCDS
197	Nguyễn Quang Dương	18/9/1983	Nam	Giảng viên	ĐH	Bộ môn KCDS-XBBH
198	Nguyễn Hữu Khoa	04/01/1983	Nam	Giảng viên	ThS	BM Châm cứu
199	Trịnh Vũ Lâm	14/12/1981	Nam	Giảng viên	ThS	Bộ môn KCDS-XBBH
200	Nguyễn Vĩnh Thanh	20/10/1976	Nam	Giảng viên	ThS	Bộ môn Lão khoa
201	An Thị Dung	25/10/1987	Nữ	Giảng viên	ĐH	Bộ môn châm cứu
202	Đỗ Thị Ngọc Anh	11/07/1990	Nữ	Giảng viên	ĐH	BM PHCN kiêm K.PHCN - BVTT
203	Bùi Đại Huynh	11/10/1982	Nam	Giảng viên	ThS	Bộ môn Nội YHCT
204	Bùi Thị Thu Hằng	30/3/1975	Nữ	Giảng viên	ĐH	Bộ môn TV-DL-ĐD
205	Lê Minh Kỳ	1967	Nam	Chủ nhiệm Bộ môn Tai Mũi Họng	PGS	BM Tai Mũi Họng
206	Vũ Trường Phong	1967	Nam	Phó CN Bộ môn Tai Mũi Họng	TS	BM Tai Mũi Họng
207	Nguyễn Xuân Hiệp	1963	Nam	Chủ nhiệm Bộ môn Mắt	TS	BM Mắt
208	Hoàng Cương	1968	Nam	Phó CN Bộ môn Mắt	TS	BM Mắt
209	Bùi Thị Vân Anh	1971	Nữ	Phó CN Bộ môn Mắt	TS	BM Mắt
210	Vũ Đức Định	1968	Nam	Phó CN Bộ môn Hồi sức cấp cứu và Chống độc	TS	BM HSCC&CD
211	Bùi Nam Phong	1970	Nam	Phó CN Bộ môn Hồi sức cấp cứu và Chống độc	ThS	BM HSCC&CD
212	Nguyễn Thị Thái Hòa	1976	Nữ	Chủ nhiệm Bộ môn Ung thư	TS	BM Ung thư
213	Phùng Thị Huyền	1978	Nữ	Phó CN Bộ môn Ung thư	TS	BM Ung thư
214	Nguyễn Thị Hương	1977	Nữ	Phó CN Bộ môn Ung thư	ThS	BM Ung thư
215	Đỗ Thị Phương Hà	1972	Nữ	Chủ nhiệm BM Dinh dưỡng và	TS	BM DD&ATTP

				ATTP		
216	Nguyễn Trọng Hưng	1977	Nam	Phó CN Bộ môn Dinh dưỡng và ATTP	TS	BM DD&ATTP
217	Nguyễn Bá Quang	1959	Nam	Phó chủ nhiệm BM Châm cứu	PGS	BM Châm cứu
218	Nguyễn Tuấn Bình	1959	Nam	Phó chủ nhiệm BM Y tế công cộng	PGS	BM Y tế công cộng
219	Phạm Vũ Khánh	1960	Nam	Chủ nhiệm BM Lão	PGS	BM Lão
220	Lê Quốc Việt	1959	Nam	Chủ nhiệm BM Nội YHHD	CKII	BM Nội YHHD
221	Nguyễn Đức Tiên	1959	Nam	Chủ nhiệm BM Ngoại YHHD	PGS	BM Ngoại YHHD
222	Nguyễn Mạnh Khánh	1975	Nam	Phó chủ nhiệm BM Ngoại YHHD	PGS	BM Ngoại YHHD

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi:

Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi: 14,7

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN
Y - DƯỢC
HỌC CỔ TRUYỀN
VIỆT NAM

Đậu Xuân Cảnh

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Công khai tài chính của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam
năm học 2018 – 2019**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/ năm năm học 2018 - 2019	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy			
1	Tiến sĩ YHCT	Triệu đồng/năm	29,50	118 (4 năm)
2	Thạc sĩ YHCT	Triệu đồng/năm	17,70	35,4 (2 năm)
3	Bác sĩ nội trú	Triệu đồng/năm	17,70	53,1 (3 năm)
4	Bác sĩ chuyên khoa II	Triệu đồng/năm	29,50	59,0 (2 năm)
5	Bác sĩ chuyên khoa I	Triệu đồng/năm	17,70	35,4 (2 năm)
6	Đại học khối ngành Y (chính quy, liên thông)	Triệu đồng/năm	11,8	70,8 (6 năm)
7	Đại học khối ngành Dược	Triệu đồng/năm	11,8	59,0 (5 năm)
8	Đại học khối ngành Y (hệ LK Thiên Tân)	Triệu đồng/năm	14.000 tệ	
II	Tổng thu năm 2017	Tỷ đồng	81,75	
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	34,5	
2	Từ học phí	Tỷ đồng	47	
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cấp bộ	Tỷ đồng	0,25	
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	0	

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2018



Đậu Xuân Cảnh